



Tích truyện Pháp cú (Phần 8)

ISSN: 2734-9195

14:41 04/03/2024

Tập "Tích truyện Pháp cú" này được dịch theo bản Anh ngữ "Buddhist Legends" của học giả Eugène Watson Burlingame.

Tích truyện Pháp cú (Phần 8)

Tập "Tích truyện Pháp cú" này được dịch theo bản Anh ngữ "Buddhist Legends" của học giả Eugène Watson Burlingame. Nhà học giả này đã căn cứ trên nguyên tác Pháp Cú Sớ Giải (Dhammapada Commentary) bằng tiếng Pàli.

Tích truyện Pháp cú

8. Những Đại Đệ Tử

Không chân, tưởng chân thật...

Giáo lý này được đức Phật thuyết khi Ngài ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, và liên quan đến việc những đại đệ tử Phật tường trình rằng ngoại đạo Sanjaya chối từ không đến quy y Phật. Đầu đuôi câu chuyện như sau:

A. Đời Sống Của Phật

Bốn A-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp quá khứ, đấng Đạo sư của chúng ta sanh làm một hoàng tử Bà-la-môn trong thành Amaravatì là Sumedha (Siêu thuật). Sau khi đã thông đạt mọi xảo thuật, Ngài từ bỏ di sản lên đến vô số triệu của cha mẹ để lại, xuất gia, sống đời ẩn sĩ, ngụ trong vùng Himalaya, và ở đó tự mình thiền định đắc được thần thông.

Một hôm Phật Nhiên Đăng, đấng Thập lực, rời tinh xá Sadassana đến thành Ramma, dân chúng đi trước dọn đường. Sumedha hôm đó bay trên không, thấy con đường đã được dọn sạch, Sumadha chọn một đoạn đường chưa sạch, đợi đức Phật đến, lấy thân mình làm cầu, trải áo bằng da hươu trên bùn, nằm lên trên và nói: "Xin đừng để đức Phật và Tăng chúng bước trên bùn, xin Ngài hãy

bước trên thân con, để tiếp tục cuộc hành trình".

Khi Phật thấy Sumedha, Ngài nói: "Ông hoàng kia là một vị Phật tương lai. Bốn atăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp sau này ông ta sẽ thành Phật tên Cồ-đàm".

Đó là lời của Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ông hoàng Bà-la-môn Sumedha. Sau khi Phật Nhiên Đăng đến những vị Phật sau: Kodanna, Màngala, Sumana, Revata, Sobhita, Anomadassi, Paduma, Narada, Padumuttara, Sumedha, Sujata, Piyadassi Atthadassi, Dhammadassi, Siddhattha, Tissa, Phussa, Vipassi (Tỳ-bà-thi), Sikhi (Thi-khi), Vessabhù (Tỳ-xá-phù), Kakusandha (Cầu-lưu-tôn), Konagamana (Cầu-na-hàm-mâu-ni) và Kassapa (Ca diếp).

Lần lượt hai mươi bốn vị Phật ra đời và soi sáng thế gian. Và từ mỗi vị Phật, ông hoàng Bà-la-môn Sumedha đều nhận được lời thọ ký sẽ thành Phật. Bảy giờ sau khi Sumedha đã viên mãn 10 ba-la-mật, 10 ba-la-mật bậc hạ và 10 ba-la-mật bậc thượng, tất cả là 30 ba-la-mật, Ngài được tái sinh là thái tử Vessantara và trong kiếp làm thái tử Vessantara,

Ngài hành các pháp đại thí, hy sinh cả vợ và con làm chấn động quả đất. Mạng chung, Ngài tái sinh vào cõi trời Đâu suất, cũng trong kiếp sống đó, các vị trời của mười ngàn thế giới tụ họp lại xưng tán Ngài:

Thời đã đến, hỡi bậc Đại Lực,

Hãy giáng sanh thai mẹ đi thôi,

Cứu nhơn thiên chìm đắm nổi trôi,

Và khám phá con đường bất tử.

Ngay sau đó Ngài tư duy năm điều đại quán. Và qua kiếp đó Ngài sanh vào dòng vua Thích ca, được nuôi dưỡng trong nhung lụa hoàng gia. Suốt thời gian này, Ngài tận hưởng tuổi xuân tốt lành, ở ba lâu đài tùy theo mùa trong năm, hưởng thụ nếp sống huy hoàng đế vương có thể sánh ngang cõi trời. Thời gian trôi qua, một hôm liên tiếp trong 8 ngày, Ngài đến khu vườn để giải trí thì gặp ba thiên sứ, đó là một người già, một người bệnh và một người chết. Trong ba ngày đó, Ngài trở về hoàng cung lòng chấn động khôn tả.

Vào ngày thứ tư Ngài gặp một người xuất gia, sống đời tu sĩ. Một ý tưởng bừng nở trong tâm trí: "Tốt hơn hết, ta nên từ bỏ thế gian, sống đời tu sĩ".

Ôm ấp trong đầu ước mơ về đời sống tu hành, Ngài tiếp tục đến khu vườn, suốt ngày ngồi trên bờ hồ trong hoàng cung. Khi Ngài ngồi đó, trời Vissakamma đến,

dưới dạng người thợ cạo và mặc vào Ngài y phục quý giá, trang điểm Ngài với mọi thứ trang sức. Ở đó Ngài nhận được tin hoàng tử La-hầu-la vừa ra đời.

Cảm thấy lòng thương con mạnh mẽ trở dậy, Ngài sáng suốt nhận định: "Ta phải cắt đứt ngay sự ràng buộc này, nếu không sẽ lớn mạnh thêm nữa". Chiều đó Ngài trở về hoàng cung, Kisà Gotamì con gái của bà bác Ngài, đọc câu kệ sau đây:

Hạnh phúc thay người mẹ,

Hạnh phúc thay người cha,

Hạnh phúc thay người vợ,

Có người chồng như Ngài.

Kisà Gotamì đọc câu kệ trên khiến Ngài phải buột miệng: "Gotamì đã nói cho ta biết đâu là chân hạnh phúc để tìm"

Rồi Ngài lấy một chuỗi ngọc gửi tặng cô. Trở về cung, khi nằm xuống long sàng. Ngài thấy rõ diện mạo dơ xấu của những cung nữ đang ngủ. Ghê tởm, Ngài đánh thức người coi ngựa Xa-nặc, bảo đem ngựa Kiền-trắc đến, và Ngài cưỡi Kiền-trắc mang theo Xa-nặc làm bạn đồng hành, có chư thiên mười ngàn cõi giới vây quanh. Ngài ra đi, thực hiện một cuộc xả ly vĩ đại.

Phi ngựa đến bờ sông Anomà, Ngài rời bỏ thế gian và sống đời tu sĩ.

Sống đời tu sĩ, Ngài tiếp tục đến Vương Xá và đi vào thành khất thực. Rồi Ngài rút lui vào núi Pandava, ngồi tu trong hang. Vua nước Ma-kiệt-đà đến nơi dâng vương quốc cho Ngài nhưng Ngài liền từ chối. Ngài hứa với vua là sẽ đến thăm vương quốc ngay khi Ngài chứng đạo. Rồi Ngài đến với Alàrà và Uddaka. Nhưng sau khi tu theo giới pháp của hai vị này. Ngài không chứng được đạo quả (A-la-hán). Sau đó Ngài dẫn thân vào cuộc đại chiến trong sáu năm.

Một sáng sớm ngày rằm của tháng Visìkhà, Ngài dùng bát cháo do Sujàtā dâng cúng, thả cho bát vàng trôi ngược trên sông Ni-liên, rồi suốt ngày trong rừng Mahàana (Đại Lâm) Ngài nhập định vào các tầng thiền. Buổi chiều Ngài lắng nghe long vương Kàla tán thán đức hạnh cao quý của Ngài.

Ngài bước lên tòa Bồ-đề, nhận bó cỏ của Sotthiya dâng, rải ra trước mặt mình và phát lời thệ nguyện: "Ta sẽ không rời khỏi tòa ngồi này cho đến khi Ta hoàn toàn dứt tham đắm ngũ dục thế gian và tâm Ta hoàn toàn giải thoát hết lậu hoặc".

Sau đó Ngài ngồi quay mặt về hướng đông và chiến thắng Ma vương trước khi mặt trời lặn. Trong canh một Ngài chứng Túc mạng minh, canh hai Ngài chứng Thiên nhãn minh, cuối canh năm Ngài chứng Lậu tận minh, đạt đến Toàn Giác và đắc Thập lực, Tứ vô ngại biện và tất cả đức hạnh cao thượng, Ngài ngồi trên tòa Bồ-đề suốt bảy tuần.

Vào tuần thứ tám, Ngài ngồi dưới cội đa của người chăn dê (cây-bồ-đề) và quán tưởng về sự thậm thâm vi diệu của pháp, cuối cùng Ngài đâm ra e ngại không có khả năng thuyết pháp độ sanh.

Ngay lập tức, Phạm thiên Sahampati cùng với chư thiên mười ngàn cõi giới trong đó Đại Phạm thiên thường đi theo, đến gặp Ngài và thỉnh cầu Ngài thuyết pháp. Quan sát thế gian với Phật nhãn, Ngài nhận lời thỉnh cầu của Phạm thiên. Ngài nghĩ tiếp:

- Ta sẽ thuyết pháp cho ai trước tiên?

Nhìn quanh thế giới, Ngài thấy Alàra và Uddaka đã qua đời, nhưng nhớ lại năm Tỳ-kheo đã từng tận tình phục vụ mình, Ngài đứng lên và đi đến Kàśipura, và gặp Upaka trên đường và nói chuyện với ông ta.

Vào ngày rằm tháng Aasalha, Ngài đến Isipatana trong vườn Lộc Uyển, nơi năm Tỳ-kheo cư ngụ. Năm Tỳ-kheo xung hô với Ngài không đúng cách, Ngài dạy họ cách xung hô đúng. Rồi Ngài bắt đầu chuyển Pháp luân, ban nước bát tử đến một trăm tám mươi triệu chư thiên, nhưng trên hết cho Tỳ-kheo Annà-Kondanna (A-nhã Kiều-trần-như).

Sau khi đã chuyển bánh xe pháp, vào ngày thứ năm của nửa tháng, Ngài độ năm Tỳ-kheo trên, tất cả đều chứng A-la-hán. Cũng vào ngày ấy, Ngài thấy rằng chàng vọng tộc trẻ tuổi Yasa đã đủ nhân duyên xuất gia, và khi Yasa rời khỏi căn nhà, lòng nhòm tòm những gì đã thấy trong đêm, Ngài nhìn thấy anh gọi lại:

- Đến đây, Yasa!

Và cho anh xuất gia. Cũng trong đêm đó Ngài độ cho Yasa chứng quả Dự lưu, và ngày tiếp theo chứng A-la-hán. Sau đó Ngài độ cho năm mươi bốn bạn hữu của Yasa xuất gia.

Ngài gọi họ:

- Hãy đến đây, Tỳ-kheo!

Họ liền trở thành Tỳ-kheo, rồi Ngài độ họ chứng A-la-hán.

Vậy là có sáu mươi mốt A-la-hán trên thế gian. An cư trong mùa mưa và làm lễ tứ tử xong. Ngài phái sáu mươi Tỳ-kheo đi khắp nơi:

- Hãy đi, các Tỳ-kheo! Hãy thuyết giảng!

Còn chính Ngài đến Uruvelà. Trên đường đi tại khu rừng Kappàsika, Ngài thuyết giáo cho ba mươi chàng trai thuộc nhóm Bhaddavaggiyas. Những người kém nhất trong nhóm chứng Sơ quả (Dự lưu) và những người ưu việt nhất chứng Tam quả (A-na-hàm).

Tất cả những chàng trai này được nhận vào Tăng đoàn chỉ với lời gọi "Đến đây, Tỳkheo!" Xong, Ngài phái họ đi khắp nơi. Đến Uruvelà, Ngài thi triển ba ngàn năm trăm phép thần thông và xuất gia cho Uruvelà-Kassapa, Nadì Kassapa và Gayà-Kassapa. Đó là ba anh em Ca-diếp, những vị khổ hạnh bện tóc, có một ngàn đệ tử.

Ngài dạy pháp cho những vị khổ hạnh này xong, nhận họ vào Tăng đoàn chỉ với lời nói: "Đến đây, Tỳkheo!" Tại Gayàsia, Ngài độ họ chứng quả A-la-hán đi theo, Ngài đến vườn Latthivana gần thành Vương Xá, định thực hiện lời hứa với vua Bình-sa-vương (Bimbisàra) nước Ma-kiệt-đà.

"Đấng Đạo sư đã đến!" Người ta kêu vang rân. Nghe tin báo, vua Bình-sa-vương đã đến cùng rất đông gia trưởng Bà-la-môn theo hầu, và đức Phật đã hoan hỷ thuyết pháp cho vua, độ vua và gần hết số Bà-la-môn đó chứng quả dự lưu, và quy y cho các Bà-lamôn còn lại.

Ngày sau Phật lắng nghe vua trời Đế Thích, dưới dạng một Bà-la-môn trẻ, đến thành Vương Xá tán thán công đức cao quý của Ngài, sau đó Ngài vào thành Vương Xá. Thọ thực trong hoàng cung xong, Ngài nhận lời vua cúng tinh xá Veluvana (Trúc Lâm) và ngụ ở đấy. Và tại đây, Xá-lợi-phất (Sàriputta), Mục-kiền-liên (Moggallàna) đã đến với Ngài.

B. Cuộc Đời của Upatissa (Sàriputta) và Kolita (Moggallaana) Trước khi Phật xuất thế, có hai làng Bà-la-môn không xa Vương xá tên Upatissa và Kolita. Một hôm, vợ một người Bà-la-môn tên Rùpasàri sống ở làng Upatissa biết mình thọ thai, cũng cùng ngày đó vợ của Bà-la-môn tên Moggali sống ở làng Kolita cũng biết mình thọ thai. Nghe kể rằng trong bảy thế hệ, hai gia đình ấy đã kết tình thân hữu chặt chẽ và gắn bó mật thiết với nhau. Họ tổ chức lễ Bảo-thai cho hai bà mẹ có mang trong ngày đó.

Sau mười tháng âm lịch, cả hai bà đều hạ sanh. Vào ngày đặt tên cho hai trẻ, họ đặt tên Upatissa cho đứa con bà vợ Bà-la-môn Sàri, vì cậu bé là con của trưởng tộc trong làng Upatissa; và đứa bé kia, vì là con của trưởng tộc trong làng Kolita nên được tên là Kolita. Lớn lên, cả hai trẻ đều tài giỏi hơn ai hết trong mọi xảo thuật và học thuật. Mỗi khi chàng Upatissa đi ra sông hay vườn để du ngoạn, có năm trăm kiệu vàng hộ tống, còn Kolita có năm trăm xe ngựa thuần chủng hộ tống. Hai chàng trai trẻ mỗi người có năm trăm gia nhân theo hầu.

Bấy giờ có một cuộc lễ hàng năm tại Vương Xá tên là hội Đỉnh Núi. Một cái giường dành cho hai chàng kê ở một nơi, và hai chàng ngồi chung chứng kiến lễ hội. Đến dịp cười, họ cười vang, có dịp khóc, họ khóc thảm thiết, tới lúc bố thí họ bố thí. Như thế, họ dự hội nhiều ngày. Nhưng một hôm, tuổi khôn lớn, họ không cười vào những dịp ngày xưa họ cười, không có giọt nước mắt nào khi gặp cảnh ngày xưa họ khóc và họ không bố thí khi được yêu cầu.

Người ta kể rằng, hai chàng khởi tưởng như sau: "Tại sao chúng ta lại xem những thứ này? Trước khi một trăm năm trôi qua, tất cả mọi người này sẽ mất đi và không còn ai trong thấy họ nữa. Tốt hơn chúng ta nên đi tìm con đường giải thoát". Họ ôm ấp ý tưởng đó, rồi Kolita bảo Upatissa:

- Bạn Upatissa! Bạn có vẻ không hài lòng và không thích thú như ngày trước. Hơn thế nữa, bạn ưu sầu phiền muộn. Bạn nghĩ gì thế?

- Bạn Kolita, tôi cảm thấy chẳng có gì toái ý lâu bền khi ngắm nhìn đám dân này, những cái này thật hết sức vô ích; tốt hơn tôi nên đi tìm con đường giải thoát cho chính mình. Nhưng tại sao bạn cũng phiền muộn? Kolita cũng nói thế. Khi Upatissa khám phá ra Kolita đồng tâm trạng với mình, anh đi đến quyết định:

- Cả hai chúng ta đều có một hoài bão cao đẹp. Cả hai chúng ta cần phải đi tìm con đường giải thoát và cùng nhau rời bỏ thế gian. Chúng ta sẽ xuất gia với Đạo sư nào đây?

Lúc bấy giờ, có một du sĩ khổ hạnh tên Sanjaya đến thành Vương Xá với đông đảo du sĩ khổ hạnh tùy tùng. Upsatissa và Kolita cùng nhất trí:

- Ta sẽ xuất gia và đi tu dưới sự lãnh đạo của Sanjaya. Rồi cả hai người bạn đồng giải tán năm trăm người hầu và ra lệnh cho họ: - Hãy lấy kiệu và xe ngựa rồi đi đi! Với năm trăm người còn lại, họ cùng nhau xuất gia và đi tu theo Sanjaya. Từ ngày hai chàng trai trẻ xuất gia và đi tu, Sanjaya đã tiến tới tuyệt đỉnh của danh lợi. Nhưng trong vài ngày, sự thông hiểu của họ vượt qua khả

năng giảng dạy của Sanjaya. Do đó, họ thưa với ông: - Thưa thầy, đây có phải là toàn thể chân lý mà thầy biết, hay ngoài ra còn có những gì cao hơn nữa? - Đây là tất cả, các con đã biết hết rồi. Upatissa và Kolita đều băn khoăn: "Nếu như thế, thật vô ích cho chúng ta khi ở lại làm học trò vị thầy này thêm nữa. Con đường giải thoát mà chúng ta tìm kiếm khi từ bỏ thế gian, chắc chắn không thể đạt được từ vị thầy này. Nhưng vùng Diêm-phù-đề là một xứ to rộng, chúng ta hãy du hành qua thôn xóm, thành thị, hoàng thành. Chắc chắn chúng ta sẽ tìm được bậc thầy chỉ dạy chúng ta con đường giải thoát".

Kể từ hôm đó, bất cứ nơi nào nghe có tu sĩ hay Bà-la-môn uyên bác, họ đều tìm đến và đàm luận. Những vấn đề Upatissa và Kolita nêu ra các vị ấy đều không thể trả lời; nhưng mọi vấn đề các vị ấy hỏi đến, Upatissa và Kolita đều trả lời trôi chảy.

Cứ như thế, họ du hành khắp vùng Diêm-phù-đề, rồi họ quay bước trở về nhà riêng của mình. Trước khi từ giã, Upatissa giao ước với Kolita: - Bạn Kolita, ai trong chúng ta đạt đến sự bất tử trước xin báo cho người kia. Rồi họ chia tay. Trong thời gian hai người bạn sống giao ước như thế, đấng Đạo sư sau khi du hành từ nơi này đến nơi khác, như đã kể ở trên, đến Vương Xá. Đức Phật đã nhận cúng tinh xá Veluvana và ở lại đó. Sau đó đức Phật đã phái sáu mươi mốt A-la-hán đi rao giảng công đức của Tam Bảo. - Hãy đi, này các Tỳ-kheo! Hãy giảng và dạy! Một trong nhóm năm Tỳ-kheo, Đại Trưởng lão Ác-bệ, quay lại về Vương Xá, và vào sáng sớm hôm sau, đắp y ôm bát vào thành khát thực. Cũng trong ngày đó sáng sớm, du sĩ khổ hạnh Upatissa ăn sáng xong đi đến khu ẩn dật của những du sĩ khổ hạnh. Hình dáng Trưởng lão lọt vào mắt Upatissa. Lòng đầy kinh ngạc pha lẫn thán phục, Upatissa chăm chú nhìn Trưởng lão: - Trước đây ta chưa hề thấy một tu sĩ nào như vị này. Ông phải là một trong những tu sĩ đã đắc A-la-hán trên thế gian, nếu không cũng là người đã bước vào con đường đưa đến Thánh quả A-la-hán, ta hãy thử đến gặp tu sĩ và hỏi Ngài: "Vì ai, thưa hiền hữu, mà hiền hữu từ bỏ thế gian? Ai là bậc thầy của hiền hữu? và hiền hữu truyền giáo pháp của ai?"

Nhưng chàng dần lại vì dè dặt, sợ mình quá đường đột: "Thật không đúng lúc để hỏi tu sĩ những câu như thế, vì ông đang đi khát thực từng nhà. Ta có nên theo sát bước của tu sĩ, như người ta vẫn thường làm để thỉnh cầu ân huệ một vị nào đó?"

Upatissa bước theo Trưởng lão Ác-bệ. Trưởng lão đã nhận xong một phần khuất thực. Trên đường đi tiếp đến một nơi nào đó, thấy rằng Trưởng lão muốn ngồi xuống, chàng liền đặt tọa cụ của mình trên đất và dâng cho Trưởng lão. Tu sĩ thọ thực xong, chàng rót nước trong bình của mình mời Ngài. Làm xong bốn

phận của một đệ tử đối với thầy, và khi trưởng lão thọ thực xong, chàng lễ độ chào hỏi Trưởng lão, rồi thưa: - Thưa hiền hữu, các căn của Ngài thật thanh tịnh, nước da của Ngài thật sáng bóng và trong trẻo. Vì ai, thưa hiền hữu, Ngài đã từ bỏ thế gian? Ai là thầy của Ngài? Và Ngài truyền bá giáo lý của ai?

Trưởng lão trầm nghĩ: "Những du sĩ khổ hạnh hay chống đối tôn giáo ta theo, do đó ta sẽ chỉ cho tu sĩ này sự thâm thâm của đạo ta". Nhưng trước hết Ngài giải thích rằng Ngài chỉ là một sơ cơ. Ngài nói: - Này hiền hữu! Tôi chỉ là một sơ cơ, tôi đi tu chưa bao lâu, tôi mới đến với Pháp và luật này, ngay bây giờ tôi không có nhiều lời để thuyết pháp.

Chàng tu sĩ khổ hạnh thầm nhủ: "Tôi là Upatissa, xin nói nhiều hay ít theo khả năng của Ngài, tôi nhất quyết sẽ tìm hiểu ý nghĩa bằng trăm ngàn cách". Do đó chàng nói: Hãy nói ít hoặc nhiều, Nhưng nói điều cốt yếu, Tôi chỉ cần cốt yếu, Sao phải thốt nhiều lời? Để trả lời, Trưởng lão dùng ngay dòng đầu của Pháp Cú: Tất cả pháp từ nhân duyên sanh, Nhân duyên ấy, Như Lai đã chỉ. Ngay dòng đầu tiên, chàng du sĩ khổ hạnh đắc quả Dự lưu, hiểu hết ý nghĩa bằng cả một ngàn cách. Chàng vừa đắc quả Dự lưu xong, trưởng lão đọc nốt dòng thứ hai: Và cũng dạy thế nào chấm dứt. Đây, giáo huấn của Đại Sa-môn. Chàng không chứng được quả vị cao hơn, chàng nghĩ là phải có một lý do nào đó, vì thế chàng trình Trưởng lão: - Xin Ngài đừng thuyết pháp cao hơn nữa, đã đủ! Đạo sư của chúng ta hiện ngụ ở đâu? - Tại Trúc lâm, hiền hữu! - Vậy thì, thưa Tôn giả! Xin ngài đi trước đi. Tôi có một người bạn, anh ta và tôi đã giao ước với nhau: "Ai trong chúng ta đạt đến sự bất tử trước tiên phải báo cho người kia". Tôi phải giữ lời hứa này trước đã. Tôi sẽ rủ bạn tôi cùng đến đấng Đạo sư, đi theo con đường của Ngài.

Nói xong, Upatissa phủ phục năm vóc dưới chân Trưởng lão, đi nhiều bên phải ba vòng và từ giả Ngài, đi đến gặp du sĩ khổ hạnh bạn chàng. Nhà du sĩ khổ hạnh Kolita thấy chàng từ xa, không khỏi mừng thầm:

"Hôm nay, vẻ mặt bạn ta khác thường, chắc anh đã đến sự bất tử". Kolita nôn nóng hỏi ngay bạn mình: - Bạn đã đạt được bất tử phải không? Upatissa trả lời: - Vâng, này huynh! Tôi đã đạt đến bất tử. Nói xong, chàng nói Pháp Cú như Tôn giả Ác-bệ đã nói. Ngay khi kết thúc bài kệ, Kolita chứng quả Dự lưu. Rồi Kolita hỏi tiếp: - Này bạn, đấng Đạo sư ở đâu? - Tại Trúc Lâm, bạn ạ. Trưởng Lão Ác-bệ, thầy chúng ta đã cho tôi biết. _ Tốt lắm, này bạn! Chúng ta hãy đi, hãy đến gặp đức Phật. Trưởng lão Xá-lợi-phất có một nét đặc biệt là luôn kính trọng sâu đậm vị thầy của mình. Do đó, Ngài bảo bạn: - Này bạn, chúng ta hãy báo cho thầy mình, du sĩ khổ hạnh Sanjaya rằng chúng ta đã đạt được đến bất tử, như thế tâm ông sẽ thức tỉnh và trí ông sẽ hiểu biết. Dù ông có thiếu sự hiểu biết đi

chẳng nữa chắc chắn ông vẫn tin chúng ta không nói dối, và ngay khi được nghe Phật thuyết pháp, ông sẽ đạt đạo quả.

Hai du sĩ khổ hạnh liền đi đến Sanjaya. Gặp lại họ Sanjaya hỏi ngay: - Các đạo hữu! Các ông có thành công trong việc tìm người chỉ cho con đường bất tử không? - Vâng, thưa Thầy, chúng tôi đã tìm được người như thế. Đức Phật đã hiện trên thế gian, Pháp đã xuất hiện, Tăng đã xuất hiện. Còn Ngài, Ngài đi trong hư huyền phi thực. Hãy đến đây, thưa Ngài, đi đến đấng Đạo sư với chúng tôi. - Các ông có thể đi. Ta không đi được! - Tại sao? - Trước đây, ta đã là một bậc thầy của nhiều người. Đối với ta, trở lại thành một người đệ tử cũng vô lý như một tên nhếch nhác được phép đi đến giếng nước. Ta không thể sống cuộc đời người đệ tử. - Đừng làm vậy, Thầy ạ! - Không sao, các bạn! Các bạn có thể đi, còn ta thì không đi được. - Thưa Thầy! Từ khi Phật xuất hiện trên thế gian, dân chúng mang hương hoa và các thứ trong tay họ, đi đến và tôn kính một mình Ngài thôi. Chúng ta hãy đi đến đó.

Thầy định làm gì? - Này đạo hữu! Ai chiếm đa số trên thế gian này, người ngu hay người trí? - Thưa Thầy, người ngu thì nhiều, người trí thì ít. - Tốt lắm, đạo hữu! Hãy để người trí đến với tu sĩ trí tuệ Cổ-đàm, và hãy để người ngu đến với ngu phu là ta. Các anh có thể đi, còn ta không đi. - Thầy sẽ trở thành một người nổi tiếng, thầy ạ. Hai đệ tử cũ nói thế và lên đường. Khi họ đi rồi, giáo đoàn của Sanjaya tan rã, và khu rừng trở nên vắng vẻ. Sanjaya không chịu nổi trước cảnh rừng vắng vẻ, ông buồn tức hộc máu tươi. Năm trăm du sĩ khổ hạnh tháp tùng Kolita và Upatissa một đoạn đường.

Sau đó, hai trăm năm mươi người còn trung thành với Sajaya trở về, còn lại hai trăm năm mươi người, hai vị thu nhận họ làm đệ tử và cho họ đi theo đến Veluvana. Đức Phật đang ngồi giữa tứ chúng thuyết pháp, thấy hai du sĩ khổ hạnh từ xa đến, Ngài liền bảo các Tỳ-kheo: - Này các Tỳ-kheo, có hai đạo hữu đến đây là Kolita và Upatissa. Họ sẽ là đôi đệ tử của ta, đôi đại đệ tử cao quý. Hai du sĩ khổ hạnh đảnh lễ Phật, cung kính ngồi xuống một bên và thưa: - Bạch Thế Tôn, chúng con xin được thu nhận vào Tăng đoàn theo Phật, chúng con xin quy y và xuất gia. Đức Phật bảo: - Hãy đến Tỳ-kheo! Pháp sẽ được thuyết, hãy sống đời phạm hạnh cho đến lúc lâm chung để mọi đau khổ dứt hẳn.

Ngay tức khắc, nhờ thần thông, họ tự nhiên được y bát, và trở thành những vị Tỳkheo Trưởng lão một trăm hạ lạc. Bằng vào sự thuyết pháp của hội chúng đệ tử, đức Phật gia tăng việc thuyết giảng pháp. Trừ hai vị Đại đệ tử ra, mọi người đều đắc quả A-la-hán. Lạ lùng thay, hai vị Đại đệ tử vẫn không thành tựu thiền định dẫn đến ba quả vị cao hơn (Lý do gì như thế? Vì trí tuệ ba-la-mật của bậc Đại đệ tử Phật có một tầm quan trọng).

Lúc bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, ngụ gần làng Kallavàla trong vương quốc Ma-kiệt-đà, rơi vào trạng thái hôn trầm đã dượt vào ngày thứ bảy sau ngày được thu nhận vào Tăng đoàn. Nhưng được đức Phật đánh thức, Ngài trừ khỏi hôn trầm đã dượt và áp dụng đề mục thiền quán về các đại mà đức Phật đã trao cho Ngài. Ngài thành tựu thiền định dẫn đến ba quả vị cao hơn và đạt được cứu cánh của trí tuệ ba-la-mật của bậc Đại đệ tử.

Còn Trưởng lão Xá-lợi-phất, hai tuần lễ ở với đức Phật, từ ngày được thu nhận vào Tăng đoàn, ngụ tại hang Surukarakhata cũng gần thành Vương Xá. Khi nghe con của người chị Ngài, Đạo sĩ Dìhanakha đọc lại bài kinh Vedanà pariggaha, Ngài chú tâm vào bài kinh, và giống như một người ăn được cơm nấu cho người khác, Ngài đạt được cứu cánh của trí tuệ ba-la-mật của bậc Đại đệ tử.

(Chắc chắn Tôn giả Xá-lợi-phất là một người đại trí tuệ. Vậy thì tại sao Ngài cần đến một thời gian lâu hơn Đại Mục-kiền-liên để đạt đến cứu cánh của trí tuệ ba-la-mật của bậc Đại đệ tử? Bởi vì đối với Ngài những việc chuẩn bị cần phải tỉ mỉ. Chúng ta nên hiểu rằng đây là trường hợp tương tự với một vị vua, khi muốn ra ngoài du hành, cần phải chuẩn bị nhiều thứ, như sắp xếp những tấm phủ lên lưng những con voi sẽ cỡi... Còn đối với một người nghèo, dù muốn đi đâu, anh ta đi được ngay không cần thêm gì lắm).

Ngay hôm Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên được nhận vào Tăng đoàn, khi trời gần tối, đức Đạo sư triệu tập những đệ tử tại Trúc Lâm, để cử địa vị Đại đệ tử cho hai vị mới vào Tăng đoàn, và đọc giới bốn Pàtimokkha. Các Tỳ-kheo bất bình bàn tán với nhau: - Đức Thế Tôn tỏ ra thiên vị trong việc trọng vọng này. Địa vị Đại đệ tử, Ngài phải ưu tiên cho những ai từ bỏ thế gian đầu tiên, tức là nhóm năm vị Kiều-trần-như. Nếu Ngài không đếm xỉa đến sự thỉnh cầu của họ, Ngài phải dành ưu tiên cho Trưởng lão Yasa và năm mươi bốn bạn đồng hành của ông.

Nếu Ngài không cho những vị này làm Đại đệ tử, Ngài phải dành ưu tiên cho nhóm ba mươi thanh niên. Nếu Ngài bác bỏ nhóm này thì phải dành ưu tiên cho ba anh em Uruvela-Kassapa, Nadì-Kassapa và GayàKassapa. Khi bác bỏ tất cả những Tỳ-kheo đến trước và dành địa vị Đại đệ tử cho những người từ bỏ thế gian sau hết, đức Đạo sư đã tỏ ra thiên vị. Phật hỏi họ: - Nay các Tỳ-kheo! Các ông đang tranh luận vấn đề gì? Nghe họ kể lại, Phật nói: - Nay các Tỳ-kheo! ta không tỏ ra thiên vị trong việc trọng vọng này. Trái lại, ta dành cho các Tỳ-kheo này và cho tất cả những Tỳ-kheo khác những gì mỗi người mong ước khi phát lời thệ nguyện. Còn Annà Kondana có cúng dường những thành quả đầu mùa chín lần, nhưng không có thệ nguyện làm Đại đệ tử. Trái lại, lúc cúng dường, ông thệ nguyện rằng ông phải là người đầu tiên đạt đến quả vị tối thượng, đó là A-la-hán

quả. - Bạch Thế Tôn, khi nào vậy? - Hãy lắng nghe, các Tỳ-kheo! - Vâng, Thế Tôn! Sau đó, Thế Tôn kể: Chuyện quá khứ

C. Tiểu Kala và Đại Kala Đây các Tỳ-kheo! Chín mươi mốt kiếp quá khứ, đức Phật Vipassì xuất hiện ở đời. Lúc đó có hai anh em Đại Hắc và Tiểu Hắc, cả hai gia chủ này cai quản một cánh đồng rộng lớn trồng lúa. Một hôm Tiểu Hắc đến ruộng lúa bóc vỏ lúa và ăn, thấy ngọt khác thường. Sau đó không lâu, ông muốn dâng một món quà bằng lúa non lên Tăng chúng do Phật lãnh đạo. Vì thế ông đến ngỏ ý cùng anh mình: - Nè anh! Chúng ta hãy bóc vỏ lúa non và nấu nướng thích hợp để cúng dường những vị Phật. Em nói gì thế, hử em? Chưa hề có người nào bóc vỏ lúa non cúng dường, cũng không ai thích làm như thế trong tương lai, đừng có làm hỏng mùa màng.

Người em lặp lại ý kiến của mình nhiều lần. Cuối cùng người anh dứt khoát: - Thôi được, hãy chia ruộng làm hai phần. Đừng có đụng đến phần của anh, nhưng hãy làm những gì em thích trên phần ruộng của em. Tiểu Hắc nói: - Tốt lắm. Rồi người em chia ruộng làm hai, thuê một số lớn nông dân lao động lột vỏ lúa non và nấu với rất nhiều sữa, thêm bơ lỏng, mật, đường và dâng món cơm chín đến Tăng đoàn do Phật lãnh đạo. Bữa ăn chấm dứt, Tiểu Hắc thưa: - Bạch Thế Tôn. do công đức cúng dường thành quả đầu mùa này, cho con được làm người đầu tiên đạt đến quả vị tối thượng là A-la-hán quả. - Sẽ được vậy.

Rồi đức Đạo sư hồi hướng công đức cho thí chủ. Khi người em trở về, nhìn lại cánh đồng, ông ta thấy toàn bộ cánh đồng đầy những nhánh lúa nảy chồi, đan vào nhau như được buộc thành bó. Cảnh tượng này khiến ông cảm nhận được năm niềm vui. Ông hân hoan: "Ta thật là may mắn". Khi lúa trở bông, ông cúng dường những bông lúa đầu tiên. Cùng với dân làng thành quả đầu tiên gặt được.

Khi lúa được bó lại, ông dâng những bó lúa đầu tiên. Khi lúa gom thành đống, ông dâng lúa đầu tiên trong đống. Khi lúa chất thành ụ, ông dâng lúa đầu tiên trong ụ. Khi đập lúa, ông dâng những lúa đầu tiên xay xong. Khi đong, ông dâng phần lúa đong đầu tiên. Khi chất vào kho, ông dâng lúa đầu tiên vào kho满满的.

Như thế, ông dâng thành quả đầu tiên của vụ mùa đến chín lần để cúng dường. Bất cứ thứ gì ông đem dâng được bù đắp lại, và ông có một vụ mùa bội thu. Phước đức đến với người biết làm phước. Do đó, đức Thế Tôn nói: - Thật vậy, Đại đức! Đạo đức bảo hộ người biết giữ gìn đạo đức, sống đạo đức đưa đến hạnh phúc. Đây là lợi lạc của cuộc sống đạo đức, người nào sống trong đạo đức sẽ không bao giờ đi đến tình trạng đau khổ.

Vì thế, trong thời kỳ của Phật Vipassì, Kiều-trần-như đã cúng dường thành quả đầu tiên tới chín lần, thệ nguyện làm người đầu tiên đạt được quả vị tối thượng. Cũng thế, trong thời kỳ của Phật Padumuttara, một trăm ngàn kiếp về quá khứ, trong thành Hamsavatì, ông đã cúng dường dồi dào, và phủ nhục dưới chân đức Phật, thệ nguyện làm người đầu tiên đạt được quả vị tối thượng A-la-hán quả. Vì vậy, Ta đã dành cho ông ta địa vị theo đúng thệ nguyện. Ta không tỏ ra thiên vị trong sự trọng vọng này.

Chuyện quá khứ **D. Da-Xá (Yasa) và Năm Mươi Bốn Bạn Hữu** - Bạch Thế Tôn, năm mươi lăm thanh niên do Da-xá (yasa) cầm đầu tạo những công đức gì? - Họ đã thệ nguyện dưới chân một vị Phật được đạt quả vị A-la-hán, và đã tạo nhiều công đức. Trước khi Phật hiện tại xuất hiện ở đời, họ đã kết bạn với nhau để thành tựu những công đức, và hết lòng lo việc thiêu xác chết của người nghèo khó.

Một hôm, thấy xác chết của một phụ nữ mang thai, họ đem xác chết nghĩa trang để thiêu. Da-xá và bốn người bạn được chỉ định việc thiêu xác, những người còn lại trở về làng. Khi Da-xá thiêu xác, chàng dùng cây xiên xuyên suốt thân xác chết, lật qua lật lại, và thấu rõ sự bất tịnh của thân xác.

Để chia sẻ sự hiểu biết này với bốn bạn mình, chàng bày tỏ: "các bạn, hãy nhìn thân này. Đây đó da dễ nứt nẻ, không khác gì da của con bò đốm, bất tịnh, nhơ nhớp và gớm ghiếc."

Ngay đó, bốn bạn chàng cũng thấu triệt sự bất tịnh của thân xác. Năm người bạn quay về làng và truyền đạt lại cho những người kia. Về phần Daxá chàng về nhà và cũng truyền đạt cho cha mẹ và vợ, họ đều thấu triệt sự bất tịnh. Đây là công đức mà họ đã tạo trong kiếp trước. Và do chính công đức này, Da-xá chứng nghiệm được sự bất tịnh của thân xác khi ở trong phòng nhìn các mỹ nữ ngủ.

Thêm vào đó, căn cơ họ đã đến lúc thuần thực, cho nên tất cả các chàng trai đều đạt quả thánh. Như thế, những chàng trẻ tuổi này đạt được điều mong muốn đúng theo họ thệ nguyện. Ta không tỏ ra thiên vị trong việc trọng vọng này.

Chuyện quá khứ **E. Ba Mươi Chàng Vọng Tộc** - Nhưng, bạch Thế Tôn! Ba mươi vị vọng tộc trẻ tuổi này đã tạo công đức gì? Họ cũng thệ nguyện dưới chân chư Phật quá khứ đạt thành quả vị A-la-hán và đã tạo lập những công đức. Trước khi Phật hiện tại xuất hiện ở đời, họ tái sanh làm ba mươi kẻ ác, nhưng nghe lời khuyên dạy dành cho ông Tudila, họ giữ năm giới suốt sáu mươi ngàn

năm. Rồi những người này cũng chúng đạt đúng theo họ thệ nguyện. Ta không tỏ ra thiên vị trong việc trọng vọng này.

Chuyện quá khứ **F. Anh Em Ca Diếp** - Nhưng, bạch Thế Tôn! Ba anh em Ca-diếp là Uruvela Kassapa, Nadi-Kassapa, Gayà-Kassapa (Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Na-đề Ca-diếp, Gia-da Ca-diếp) tạo dựng những công đức nào? - Họ cũng tạo dựng những công đức và thệ nguyện đạt thành quả vị A-la-hán. Chín mươi hai kiếp quá khứ, hai đức Phật Tissa và Phussa cùng một lúc xuất hiện trên thế gian. Cha của Ngài Phussa là vua Mahinda. Khi Ngài Phussa giác ngộ thì người con út của vua trở thành Đại đệ tử của Ngài và con của vị tư tế trở thành đệ tử thứ hai. Nhà vua đến chỗ Phật và bạch: - Người con cả của tôi là Phật, người con út của tôi là Đại đệ tử, và người con của vị tư tế của tôi là Đại đệ tử thứ hai của Phật. Và nhìn cả ba, vua hoan hỷ: - Đức Phật là của chính tôi, Pháp là của chính tôi, Tăng là của chính tôi. Và ông long trọng xưng tụng ba lần: - Xin tán thán Ngài là bậc Thế Tôn, Ứng Cúng, Toàn Giác. Rồi ông gieo mình dưới chân đức Đạo sư thưa: - Bạch Thế Tôn, bây giờ vào cuối cuộc đời kéo dài chín mươi ngàn năm, dường như đã đến lúc để tôi ngồi nhắm mắt ngủ yên. Lúc nào tôi còn sống, xin đừng đến nhà người khác, hãy nhận tứ sự cúng dường của mình tôi thôi. Nhận được sự ưng thuận của Phật, nhà vua đều đặn cúng dường cho Ngài.

Bây giờ nhà vua có ba người con khác. Người lớn nhất có năm trăm lính tùy tùng, người giữa ba trăm và người trẻ nhất hai trăm. Một hôm, họ xin phép cha được cúng dường người anh cả là đức Phật Phussa, nhưng bị từ chối. Việc này xảy ra nhiều lần, ít lâu sau, một cuộc nổi loạn bùng nổ ở biên giới và ba anh em được vua cha phái đi dẹp giặc. Thành công, trong việc khôi phục ở biên giới, họ trở về hoàng cung, vua cha ôm lấy họ, hôn lên tóc, ngợi khen và tưởng thưởng: - Các con yêu của cha, cha sẽ cho những gì các con muốn. Họ vâng lệnh: - Tâu phụ vương! Chúng con xin nhận ân huệ của cha. Sau vài ngày, khi cha họ nhắc lại: - Các con yêu, ta sẽ cho bất cứ điều gì các con muốn. Họ liền ngỏ ý: _ Tâu phụ vương! Chúng con không cần gì khác ngoài việc từ nay trở đi chúng con xin được cúng dường anh cả của chúng con, hãy ban cho chúng con ân huệ này! - Ta không ban cho các con ân huệ này được, các con yêu! - Nếu cha không muốn ban cho chúng con đặc ân này thường xuyên, thì hãy ban cho chúng con bảy năm. - Ta không muốn thế, con yêu! - Thế thì hãy ban đặc ân cho chúng con sáu năm hay năm năm, bốn, ba hay hai năm, hay một năm, hoặc là bảy tháng, hay sáu, năm, bốn, ba hay hai tháng hoặc một tháng. - Ta không muốn thế, các con yêu! - Thế thì tâu phụ vương! Hãy cho mỗi đứa con một tháng, ban ơn cho chúng con tất cả ba tháng! - Thôi được, các con yêu! Hãy cúng dường anh các con trong ba tháng. Bây giờ cả ba anh em chỉ có một thủ khổ và một quần gia. Viên quần gia có đến một trăm hai mươi ngàn người phụ việc. Ba anh

em cho vôi thủ khố và quân gia lại chỉ thị: - Trong vòng ba tháng tới, chúng tôi sẽ thọ giữ mười giới, đắp y vàng và an cư với đấng Đạo sư. Khi chúng tôi vắng mặt, bốn phận các anh phải coi sóc lương thực cúng dường, mỗi ngày các anh phải cung cấp đầy đủ thức ăn, cả cứng và mềm, cho chín mươi ngàn Tỳ-kheo và một ngàn lính. Từ nay trở đi chúng ta sẽ không dạn dò gì nữa.

Rồi ba anh em đem theo một ngàn lính tùy tùng tuân giữ mười giới, đắp y vàng và bắt đầu an cư trong tinh xá. Người thủ khố và quân gia hợp lực thay phiên nhau hoàn tất bốn phận cúng dường, lấy lương thực từ kho của ba anh em để cúng dường. Nhưng khi đám con của những người phục vụ đòi món cháo yến mạch và những thức ăn chúng đòi, trước cả lúc Tăng đoàn đến.

Hậu quả là Tăng đoàn chỉ nhận được thức ăn thừa và không được cung cấp thức ăn nào mới nguyên. Cuối cùng, người thủ khố và viên quân gia cũng thèm ăn đến nỗi họ lấy bớt thức ăn, rồi làm ra vẻ như đưa cho đám trẻ, nhưng thực họ ăn hết. Thấy thức ăn ngon không nhịn thèm được, họ và nhóm tám mươi bốn ngàn người của họ đã ăn thực phẩm mà họ có bốn phận phải dâng cho Tăng đoàn, nên khi chết và thân bị tan rã, họ tái sanh vào loài ngạ quỷ.

Khi mạng chung, ba anh em và một ngàn người tùy tùng được sanh lên thiên giới và sống chín mươi hai kiếp qua lại từ cõi trời này đến cõi trời khác. Đó là những công đức mà ba anh em đã tạo dựng trong thời gian đó vì lập nguyện thành tựu quả vị A-la-hán. Những gì họ nhận được chỉ là do lời thệ nguyện của họ. Ta không tỏ ra thiên vị trong việc ban cho điều gì cần ban. Viên quân gia bây giờ là Bình-sa-vương, thủ khố là cư sĩ nữ Visàkha (Tỳ-xá-khư) và ba hoàng tử là ba nhà khổ hạnh bên tóc. Những gia nhân phục vụ của họ tái sanh trong loài ngạ quỷ. Một thời gian sau khi trải qua từ kiếp này đến kiếp khác, cả tốt và xấu, họ được tái sanh trong tiểu kiếp này ở cõi ngạ quỷ suốt bốn đời đức Phật. Trong tiểu kiếp này, đầu tiên họ đến gặp vị Phật Kakusandha, trụ thế bốn mươi ngàn năm, và hỏi Ngài: - Xin Phật nói cho chúng con biết khi nào chúng con nhận được thức ăn? Đức Phật đáp: - Các người sẽ không có gì để ăn trong thời kỳ hóa độ của Ta, nhưng sau Ta đại địa sẽ được nâng cao một dặm, và đức Phật Konàgamana sẽ xuất hiện, tốt nhất các người hãy hỏi Ngài. Họ chờ đợi suốt thời gian đó, và khi đức Phật Konàgamana xuất hiện, họ liền hỏi và được Ngài trả lời: - Các người sẽ không có gì để ăn trong thời kỳ hóa độ của Ta, nhưng sau Ta, đại địa sẽ được nâng cao một dặm, và đức Phật Kassapa sẽ xuất hiện, tốt nhất các người hãy hỏi Ngài. Họ chờ đợi suốt thời gian đó, và khi nghe đức Phật Kassapa xuất hiện, lại đến thưa hỏi và lại được nghe: - Các người sẽ không nhận được gì để ăn trong thời kỳ của Ta, nhưng sau Ta, đại địa sẽ được nâng cao một dặm, và đức Phật Gotama sẽ xuất hiện. Vào thời đó, thân quyến của các anh là Bình-sa-

vương sẽ làm vua, ông ta sẽ cúng dường đức Đạo sư và sẽ hồi hướng công đức tạo được cho các người, và lúc đó các người sẽ nhận được thức ăn.

Thời kỳ giữa hai đức Phật sau này đối với chúng cũng nhanh giống như hôm nay qua ngày hôm sau. Khi Như Lai xuất hiện ở thế gian và vua Bình-sa-vương cúng dường ngày thứ nhất, chúng không nhận được thức ăn. Chúng chờ đến đêm, và tạo một tiếng ồn đáng sợ và hiện ra trước vua. Nhà vua đến Veluvana vào ngày hôm sau, và thuật lại tình tiết cho Như Lai. Đức Đạo sư giải thích: - Đại vương, chín mươi hai kiếp trong quá khứ, dưới thời Phật Phussa, những ngạ quỷ ấy là thân quyến của đại vương. Họ lén ăn thực phẩm mà họ có bốn phận dâng đến Tăng đoàn, họ đã hỏi Phật Kakusandha, Konàganama, và Kassapa khi nào họ được ăn và chư Phật đã nói với họ như thế, như thế.

Suốt thời gian này, họ rất muốn nhận sự bố thí của đại vương. Sở dĩ họ làm ồn đêm hôm qua vì đại vương có bố thí nhưng họ không nhận được phước báo bố thí đó. - Nhưng bạch Thế Tôn! Trong trường hợp con bố thí bây giờ, họ có nhận được không? - Sẽ nhận được, Đại vương! Ngày hôm sau, vua thỉnh Tăng đoàn do Phật lãnh đạo, dâng thức ăn dồi dào và thưa: - Bạch Thế Tôn, từ nay trở đi vật ẩm thực từ cõi trời xin cho những ngạ quỷ này có phần. Và khi vua hồi hướng đến những ngạ quỷ công đức cúng dường của ông, chúng nhận được vật ẩm thực từ cõi trời.

Ngày hôm sau, những ngạ quỷ lại xuất hiện trần truồng. Đức vua trình lên Phật: - Hôm nay, bạch Thế Tôn, những ngạ quỷ này lại xuất hiện trần truồng, con không biết phải làm gì? Đức Phật giải thích: - Đại vương, vì ông không cho họ quần áo. Ngày hôm sau, nhà vua dâng y đến Tăng đoàn do Phật lãnh đạo và cũng nguyện từ nay trở đi mong họ được quần áo từ cõi trời. Và khi vua hồi hướng công đức cúng dường của ông cho họ như thế, lập tức họ được quần áo từ cõi trời, ngay lúc ấy họ bỏ thân ngạ quỷ và nhận thân chư thiên. Khi đức Phật hồi hướng công đức, Ngài đọc bài kinh chú nguyện: "Ngạ quỷ đứng ngoài vách nhà" Khi ngài kết thúc phần hồi hướng công đức, tám mươi bốn ngàn chúng sanh đạt được Pháp nhãn thanh tịnh. Trên đây đức Phật đã giảng pháp, thuật lại chuyện của ba anh em bên tóc.

Chuyện quá khứ **G. Sarada và Sirivaddha** Nhưng, bạch Thế Tôn! Các Đại đệ tử đã thành tựu công đức gì? - Họ đã thệ nguyện đạt đến địa vị Đại đệ tử. Trong một a-tăng-kỳ kiếp thêm một trăm ngàn kiếp quá khứ, Xá-lợi-phất được tái sanh vào một gia đình Bà-la-môn giàu có, là ông hoàng Sarada. Mục-kiền-liên được sanh trong gia đình trưởng giả giàu có, tên là Sirivaddha.

Hai chàng trai trẻ làm bạn với nhau từ khi còn nghịch đất. Ông hoàng Sarada được hưởng của thừa kế to tát khi cha chết. Một hôm, ở một mình, anh băn khoăn: "Ta chỉ biết một ít về đời sống của thế giới này thôi, ta chẳng biết gì về đời sống của thế giới bên kia. Ai sinh ra đều chắc chắn phải chết. Ta phải từ bỏ thế gian, gia nhập Tăng đoàn và đi tìm con đường giải thoát". Do đó, anh đến gặp bạn và tâm sự: - Bạn Sirivaddha, tôi dự định rời bỏ thế gian và đi tìm con đường giải thoát. Anh có thể rời bỏ thế gian với tôi hay không? - Này bạn, tôi không thể rời bỏ thế gian, bạn hãy ra đi một mình. Bạn từ chối, ông hoàng Sarada vẫn không thay đổi ý định, và lập luận rằng: - Không ai đi đến đời sau với những người đồng hành hay thân quyến hay bạn bè. Ta muốn làm gì phải làm một mình.

Vì vậy, anh mở cửa kho và bố thí rộng rãi cho người nghèo khổ, du sĩ và ăn mày. Xong, anh rút vào chân núi và sống đời ẩn sĩ... Đầu tiên một, rồi hai, rồi ba, rồi nhiều người khác theo gương anh chọn đời sống tu hành. Cuối cùng, ẩn sĩ bện tóc lên đến bảy mươi bốn ngàn, Sarada chứng được ngũ thông và bát định, và dạy những người ẩn sĩ bện tóc này phương thức tụ tập thiền định. Tất cả đều chứng ngũ thông và bát định.

Lúc ấy, Phật Anomadassi xuất hiện ở đời. Thành của Ngài tên Candavatì Cha là Yasavanta thuộc giai cấp chiến sĩ, và mẹ là bà Yasodharà. Cây thành đạo của Ngài là cây Ajjuna. Nisabha và Anoma là Đại đệ tử của Ngài, Varuna là thí chủ, và Sundarà và Sumanà là nữ cư sĩ nòng cốt. Ngài trụ thế một trăm năm, vóc dáng cao năm mươi tám cubits, và phát hào quang từ thân xa đến mười hai dặm (năm mươi cây số). Ngài có một trăm ngàn Tỳ-kheo nương học.

Một hôm, bình minh vừa ló dạng, sau khi xuất định Đại bi, Ngài quan sát thế gian và thấy ẩn sĩ Sarada và nhận ra rằng: "Hôm nay, khi Ta đến gặp ẩn sĩ Sarada, sẽ có một buổi đại thuyết pháp. Sarada sẽ lập nguyện đạt đến địa vị Đại đệ tử, và bạn ông ta, trưởng giả Sirivaddha sẽ lập nguyện đạt địa vị Đại đệ tử thứ hai. Cuối bài thuyết pháp, bảy mươi bốn ngàn ẩn sĩ bện tóc nương học sẽ chứng quả A-la-hán. Vì vậy Ta phải đến đó"

Rồi đức Phật Anomadassi đắp y ôm bát, không nói một lời với ai, độc hành như một con sư tử, với ý định hiển hiện để cho Sarada biết mình là một vị Phật. Và trong khi môn đệ của ẩn sĩ Sarada vắng mặt vì đi tìm các loại trái cây, đức Phật từ trên trời hạ xuống đất ngay trước mắt Sarada.

Khi ẩn sĩ Sarada thấy thân thông và tướng hảo của Phật, ông thầm nhớ lại những câu thơ liên quan đến đặc tính của một bậc đại nhân. Ông biết rằng một người được phú cho những hình tướng như thế, nếu sống tại gia là một ông vua,

một bậc chuyển luân thánh vương, sống đời xuất gia sẽ là người tận diệt tham dục, là một vị Phật toàn giác. Vì thế, Sarada đoán chắc người này là một vị Phật không nghi ngờ gì nữa.

Do đó, ông đến gặp Phật, nắm vóc đánh lễ, sửa soạn một chỗ ngồi dâng Ngài, đức Phật ngồi vào chỗ đã được sửa soạn, và ẩn sĩ Sarada chọn chỗ ngồi thích hợp, kính cẩn ngồi xuống một bên. Bảy mươi bốn ngàn ẩn sĩ bện tóc lúc này vắng mặt vì đã đi tìm các loại trái cây ngọt và nhiều nước, bây giờ vừa trở về với thầy họ. Thấy đức Phật ngồi giữa và thầy họ ngồi kế bên, họ nói: - Thưa Thầy, chúng tôi thường đi khắp nơi và đều cho rằng không có ai cao cả hơn thầy. Nhưng với vị này, chúng tôi cả quyết rằng Ngài cao cả hơn thầy. - Đạo hữu! Các ông nói gì thế? Có phải ý các ông đang so sánh một hạt cải với núi Tu-di cao sáu mươi tám ngàn dặm không? Hỡi những đứa con ngây thơ! Đừng so sánh ta với một vị Phật toàn giác. Những ẩn sĩ đều đồng ý rằng: "Nếu đây là một người tầm thường, thầy chúng ta sẽ không so sánh như thế. Vị này quả thật cao cả làm sao!" lập tức họ phủ phục trước chân Phật.

Rồi thầy họ, ẩn sĩ Sarada bảo họ rằng: - Các bạn, chúng ta không có một phẩm vật xứng đáng dâng lên chư Phật ở đây, và đấng Đạo sư đã đến đây đúng lúc chúng ta thường đi khát thực. Chúng ta hãy dâng Ngài phẩm vật theo khả năng của chúng ta. Tìm và mang đến đây tất cả những loại trái cây hảo hạng. Vì vậy, họ đi kiếm trái cây, ẩn sĩ Sarada rửa tay và đích thân đặt trái cây vào bình bát của Như Lai. Ngay khi đấng Đạo sư vừa cầm đến những trái cây cúng dường Ngài, chư thiên gia thêm hương vị của cõi trời vào những trái cây đó. Ẩn sĩ Sarada cũng đích thân lọc nước dâng lên Phật.

Sau bữa ăn, khi đấng Đạo sư vẫn còn ngồi tại chỗ, Sarada kêu gọi tất cả các môn đệ vào ngồi xuống, hoan hỉ đàm luận với đấng Đạo sư. Và đấng Đạo sư thâm nghĩ: "Hai Đại đệ tử và chúng Tỳ-kheo hãy đến đây". Ngay lập tức, hai Đại đệ tử cùng với một trăm ngàn A-la-hán tháp tùng hiện đến, đánh lễ đấng Đạo sư và kính cẩn ngồi một bên. Rồi ẩn sĩ Sarada nói với môn đệ mình như sau: - Các bạn, chỗ ngồi của Phật thì thấp và không có chỗ ngồi cho một trăm ngàn Tỳ-kheo. Hôm nay các bạn hãy lễ kính đức Phật. Hãy đi tìm ở chân núi mang về đây những bông hoa màu sắc rực rỡ và hương thơm ngào ngạt. Có câu nói rằng thời gian bỏ ra để nói bàn chỉ phí phạm thôi, người có thần thông thì phạm vi thần lực không thể tưởng tượng được.

Do đó, trong thoáng chốc những ẩn sĩ đem về những bông hoa màu sắc rực rỡ, hương thơm ngào ngạt và họ kết thành một nệm hoa dài một dặm (gần năm km) cho Phật. Rồi họ kết tiếp một nệm hoa dài ba phần tư dặm cho hai Đại đệ tử. Những nệm hoa cho những Tỳ-kheo còn lại dài nửa dặm hay ngắn hơn, nệm

dành cho tân Sa-môn dài một usabha (120 cubit). Không nên thắc mắc tại sao những chỗ ngồi có kích thước vĩ đại như thế lại được xếp gọn vào tu viện khổ hạnh này.

Sở dĩ có thể được do bởi năng lực huyền nhiệm. Khi chỗ ngồi đã sẵn sàng, ẩn sĩ Sarada đứng trước Thế Tôn và chắp tay cung kính thưa: - Bạch Thế Tôn, xin hãy lên nệm hoa này để con được cứu độ và ân triêm công đức. Do đó người ta kể rằng: Ông góp nhiều loại hương hoa Sửa soạn giường tòa, cung kính thỉnh thưa: "Đây con đã soạn sẵn sàng, Chỗ ngồi thích hợp kết bằng hương hoa. Thế Tôn, xin ngự vào tòa Xin cho con được tâm hòa lòng an Bảy ngày đêm, Phật ngồi trên Nệm hoa con kết và liền cho con Tâm bình tịch lặng an nhiên Từ người cho đến chư thiên đều mừng". Khi đức Phật ngồi rồi, hai Đại đệ tử và những Tỳ-kheo mỗi người ngồi vào chỗ dành cho mình. Ẩn sĩ Sarada lấy một lọng hoa lớn che trên đầu Như Lai. Đấng Đạo sư bảo: - Nguyện cho những ẩn sĩ bện tóc dâng vinh dự này cho ta sẽ gặt được quả báo tốt lành. Và lập tức, Ngài nhập vào Diệt tận định. Nhận thấy đức Đạo sư đã nhập Diệt tận định, hai Đại đệ tử cũng nhập định và vào Diệt tận định. Trong bảy ngày đức Đạo sư ngồi đó, hưởng niềm an lạc của Diệt tận định.

Khi đến giờ đi tìm thức ăn, môn đệ của Sarada đi vào rừng và dùng những trái cây dại và nhiều thứ trái khác. Thời gian còn lại, họ đứng chắp tay cung kính trước Phật. Ẩn sĩ Sarada không đi tìm thức ăn, nhưng trong bảy ngày liên tục cầm lọng hoa che đức Phật, đã tìm được niềm vui và hạnh phúc sung mãn.

Khi đức Đạo sư xuất định, Ngài nói với vị Đại đệ tử, Trưởng lão Nisabha, ngồi bên tay phải Ngài. - Nisabha! Hãy hồi hướng công đức cho những ẩn sĩ đã dâng chúng ta hoa và chỗ ngồi. Sau đó, Trưởng lão, như một dũng tướng vừa nhậm chức vị cao trọng từ tay Chuyển luân Thánh vương, lòng tràn đầy niềm hân hoan, hiển bày trí tuệ ba-la-mật của bậc Đại đệ tử, bắt đầu bài hồi hướng. Khi Ngài chấm dứt, đức Phật bảo Đại đệ tử thứ nhì như sau: - Con cũng hãy thuyết pháp cho các Tỳ-kheo! Vâng lời Phật dạy, Trưởng lão Anoma suy nghiệm đến Tam tạng kinh điển, lời dạy của chư Phật, rồi thuyết pháp. Nhưng dù hai Đại đệ tử đã thuyết pháp, không có một Tỳ-kheo nào đạt được Pháp nhãn thanh tịnh. Rồi đức Đạo sư hiển lộ năng lực vô biên của Phật, bắt đầu thuyết pháp. Khi bài giảng kết thúc, tất cả bảy mươi bốn ngàn ẩn sĩ bện tóc đặc A-la-hán trừ ẩn sĩ Sarada. Đạo sư khi đó duỗi tay ra và cất tiếng: - Hãy đến, Tỳ-kheo!

Lập tức râu tóc họ rụng mất, và tám món cần thiết được khoác vào người họ. Độc giả có thắc mắc vì sao ẩn sĩ Sarada không chứng A-la-hán không? Bởi vì ông tán tâm. Người ta kể rằng trong khi vị Đại đệ tử ngồi tòa thứ hai kế bên Phật hiển bày trí tuệ ba-la-mật của bậc Đại đệ tử đang thuyết pháp, ngay lúc ẩn

sĩ bắt đầu lắng nghe bài pháp, ông đã khởi niệm: "Ồ! ước mong sao, vào một lúc nào đó ở tương lai, trong Giáo đoàn của một vị Phật tương lai, ta được nhận trọng trách mà vị đệ tử này đã nhận!"

Vì lẽ đó, ông không thể chứng đạo quả. Sarada, tuy thế vẫn đành lẽ Như lai, và đứng đối diện với Ngài, bạch: - Bạch Thế Tôn! vị Tỳ-kheo ngồi tòa cạnh Ngài mang danh hiệu gì trong Giáo đoàn của Ngài? - Đó là người theo Ta trong buổi đầu Chuyển pháp luân, đó là người đã đạt đến tột đỉnh của trí tuệ ba-la-mật của bậc Đại đệ tử, đó là người đã hiểu thấu mười sáu thể của Tri thức. Do đó, ông ta được gọi là Đại đệ tử trong Giáo đoàn của Ta. - Bạch Thế Tôn! Ở đây, trong bảy ngày con đã đứng cầm lọng hoa che Ngài, bằng cách ấy dâng vinh dự lên Ngài. Quả báo của công đức này, con không mong cầu đời sau làm Đế Thích hay Phạm thiên, nhưng trong tương lai, con nguyện được trở thành Đại đệ tử của một đức Phật, giống như Trưởng lão Nisabha hiện tại.

Sarada lập nguyện xong, đức Đạo sư muốn biết ước nguyện của người này có thành tựu không, Ngài bèn phóng thiên nhãn và quan sát những thời kỳ tương lai, thấy sau một a-tăng-kỳ kiếp cộng thêm một trăm ngàn kiếp, ước nguyện của Sarada sẽ thành tựu. Ngài cho ẩn sĩ Sarada biết: - Ước nguyện này của ông sẽ không viển vông. Cuối một a-tăng-kỳ kiếp cộng thêm một trăm ngàn kiếp nữa, Phật Gotama sẽ xuất hiện trên thế gian. Mẹ của Ngài là hoàng hậu Mahà màya, cha Ngài là vua Shudhodana, con Ngài là Ràhula, thị giả Ngài là Ananda, và Đại đệ tử thứ hai của Ngài là Moggallàna, và ông sẽ là Đại đệ tử nguyên soái của niềm tin, và tên ông là Sàriputta.

Sau khi đức Đạo sư thọ ký cho ẩn sĩ, Ngài thuyết pháp, và rồi cùng Tăng chúng vây quanh, Ngài bay lên không mà đi. Ẩn sĩ Sarada tìm môn đệ và các trưởng lão của mình, nhờ họ nhắn tin cho bạn là trưởng giả Sirivaddha rằng: "Bạn ông, ẩn sĩ Sarada đã phủ phục dưới chân Phật Anomadassi và ước nguyện được địa vị Đại đệ tử trong Giáo đoàn của Phật Gotama, người sẽ xuất hiện sau này của thế gian. Ông hãy ước nguyện được ở địa vị Đại đệ tử thứ hai".

Xong, ông đi trước những Trưởng lão bằng một đường khác và đến đứng tại cửa nhà Sirivaddha. Gặp lại người bạn cũ, Sirivaddha hân hoan chào mừng: - Cuối cùng, sau một thời gian dài vắng bóng, người bạn quý của tôi đã trở về. Và lập tức Sirivaddha mời bạn ngồi tòa, và tự mình ngồi một ghế thấp hơn, thăm hỏi: - Nhưng, này ông Tôn giả! ông không có môn đệ và những người cận sự? - Có chứ, này bạn! đức Phật Anomadassi đã đến tu viện của chúng tôi, và chúng tôi đã tôn kính Ngài trong phạm vi quyền năng của chúng tôi. Đức Đạo sư thuyết pháp cho mọi người, và cuối bài giảng, tất cả số hội chúng trừ tôi đều đắc quả A-la-hán và đều gia nhập Tăng đoàn.

Trông thấy vị Đại đệ tử của đức Đạo sư là Trưởng lão Nisabha, tôi ước nguyện được địa vị Đại đệ tử dưới Giáo đoàn của Phật Gotama, Người sẽ ra đời sau này. Anh cũng nên ước nguyện được địa vị Đại đệ tử thứ hai trong Giáo đoàn của Phật. - Nhưng, Tôn giả! Tôi không có những quan hệ thân thiện với Phật. - Tôi sẽ gánh vác trọng trách thừa với Phật, anh hãy chuẩn bị một quyết tâm vĩ đại.

Nghe lời như mở tắc lòng, Sirivsaddha liền về trang hoàng một khoảng rộng tám karisas (tám mẫu) trước cửa nhà mình thật long trọng xứng với một vị vua, rải cát, tung năm loại hoa, có cả hoa làja, dựng một lều che mái lợp toàn bằng hoa sen xanh, khiến dọn sẵn toà của Phật, và toà của các Tỳ-kheo cũng được sửa soạn. Và biết bao phẩm vật được chuẩn bị chu đáo.

Xong chàng nhờ ẩn sĩ Sarada đến mời Phật và A-la-hán. Vui lòng đẹp dạ, ẩn sĩ Sarada đưa Tăng đoàn do Phật lãnh đạo cùng đi đến nhà người bạn tâm giao. Sirivaddha ra trước nhà để gặp Tăng đoàn, đỡ bình bát từ tay Như Lai, hướng dẫn đoàn vào lều, mời ngồi trên toà đã dành sẵn, dâng nước và cung cấp những thức ăn chọn lọc.

Cuối bữa ăn, chàng dâng y đắt giá lên Tăng đoàn, và bạch đức Đạo sư: - Bạch Thế Tôn, chúng con cúng dường vì lập nguyện đạt đến địa vị không tầm thường. Xin Ngài rủ lòng từ bi ở lại đây trong bảy ngày như thế. Đức Đạo sư thuận ở lại. Trong bảy ngày Sirivaddha dâng phẩm vật dồi dào như đã kể. Cuộc lễ cúng dường viên mãn, Sirivaddha đánh lễ đức Đạo sư, và đứng trước chấp tay cung kính bạch: - Bạch Thế Tôn, bạn con, ẩn sĩ Sarada ước nguyện trở thành Đại đệ tử của một vị Phật. Con cũng nguyện xin trở thành Đệ nhị Đại đệ tử của một vị Phật ấy. Đức Đạo sư quán sát tương lai, và thấy chàng sẽ được mãn nguyện. Ngài bèn thọ ký như sau: - Cuối một a-tăng-kỳ kiếp và cộng thêm một trăm ngàn kiếp, ông sẽ trở thành Đệ nhị Đại đệ tử của Phật Gotama. Nghe lời thọ ký của Phật, Sirivaddha tràn đầy sung sướng, mãn nguyện. Đức Đạo sư hồi hướng công đức về sự cúng dường thức ăn rồi cùng Tăng chúng trở về tinh xá.

Và Phật kết luận: - Này các Tỳ-kheo! Đây là ước nguyện của các đệ tử Ta lúc ấy. Họ đã thọ nhận đúng với ước nguyện của họ. Khi Ta ban bố một điều gì, Ta không thiên vị người nào. (Chấm Dứt Chuyện Quá Khứ) Đức Đạo sư thuật xong, hai vị Đại đệ tử cùng đánh lễ Ngài và thưa thỉnh: - Bạch Thế Tôn, khi chúng con còn là gia chủ, chúng con đã đến xem lễ Đỉnh Núi. Hai vị kể lại toàn bộ câu chuyện đã xảy ra, cho đến khi chúng được thánh quả Dự lưu ngay lời đầu tiên Trưởng lão Assaji (Ác Bệ) thuyết pháp.

Rồi họ thưa tiếp: - Bạch Thế Tôn, chúng con đến gặp vị thầy cũ của chúng con, cốt hướng dẫn ông ấy nương theo Phật, và chỉ cho ông ấy thoát ra khỏi bóng tối

của tư kiến, không quên nhấn mạnh đến lợi lạc tốt lành nếu như ông ấy chịu đến đây. Nhưng ông ấy bảo với chúng con: "Đối với ta, bây giờ sống cuộc đời một môn sinh thì thật là vô lý, như kẻ quên ở dơ lại đi đến giếng nước. Ta không thể sống nổi cuộc đời một môn sinh".

Chúng con cố giải bày: "Thưa Thầy, dân chúng hiện giờ tay ôm hương hoa và các thứ đến dâng cúng riêng cho đấng Đạo sư. Vậy Thầy định sao?" Ông ấy hỏi ngược lại chúng con. "Trong thế gian này người ngu và người khôn ai đông hơn?" Chúng con đáp: "Thưa Thầy, người ngu thì nhiều kẻ khôn thì ít". Ông liền dứt khoát: "Vậy thì người khôn hãy đi đến vị Tỳ-kheo trí tuệ là Gotama (Cồ-đàm), và người ngu hãy đến với ta là kẻ ngu. Còn các ông, hãy đi đến chỗ các ông ưa thích". Với lời lẽ như thế, bạch Thế Tôn, ông ấy đã từ chối đến đây.

Đức Đạo sư nghe thế liền dạy các Tỳ-kheo: - Nay các Tỳ-kheo, do chấp thủ tà kiến, Sanjaya đã lầm lẫn cho hư vọng là chân lý và cho chân lý là hư vọng. Nhưng các ông, do trí tuệ riêng của mỗi người, đã phân biệt đúng đắn cái gì là chân thật trong tính chân thật và cái gì hư vọng trong tính hư vọng. Các ông đã sáng suốt loại trừ điều gì hư vọng và chấp nhận điều gì chân thật. Rồi Ngài nói Pháp Cú sau: (11) Không chân, tưởng chân thật,

Chân thật thấy không chân.

Chúng không đạt chân thật,

Do tà tư tà hạnh.

(12) Chân thật, biết chân thật,

Không chân, biết không chân,

Chúng đạt được chân thật,

Do chánh tư, chánh hạnh.

*

(Còn tiếp)

Nguồn: “Tích Truyện Pháp Cú” được Thiền viện Viên Chiếu dịch theo bản Anh ngữ “Buddhist Legends” của học giả Eugène Watson Burlingame.